

CÔNG TY CP ĐT VÀ PT CÔNG NGHỆ VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 50/2026/CBTT-VLA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC bán niên năm 2026

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi:**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang**
2. Mã chứng khoán: **VLA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: P1204 tòa 17T5 Nhân Chính, phường Yên Hoà, TP. Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.35121610 Fax: 024.35121611
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thuận
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được lập ngày 14 tháng 08 năm 2026 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 so với Báo cáo tài chính bán niên cùng kỳ năm 2025

Nội dung giải trình:

6 tháng đầu năm 2026, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt **471.638.478 đồng**, cải thiện đáng kể so với mức **lãi 230.581.235 đồng** cùng kỳ năm 2025. Sự chuyển biến tích cực này chủ yếu đến từ **tăng trưởng doanh thu tài chính mạnh mẽ và kiểm soát chi phí hiệu quả**.

Cụ thể, doanh thu tài chính kỳ này đạt **2.499.292.678 đồng**, tăng **83,89%** (tương đương **1.139.778.609 đồng**) so với cùng kỳ năm 2025. Giá vốn hàng bán giảm tương ứng với doanh thu thuần phản ánh hiệu suất vận hành được cải thiện.

Đáng chú ý, **chi phí quản lý bán hàng kỳ này giảm còn 542.960.779 đồng**, so với **7.503.534.419 đồng** cùng kỳ năm trước, cho thấy việc kiểm soát chi phí quản lý đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc tối ưu chi phí mà vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.vla.vn>Tài liệu>Dành cho cổ đông
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2026/ICBT-VLA

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

- Mã chứng khoán: VLA
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: P1204 tòa 17T5 Nhân Chính, phường Yên Hoà, TP. Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02466736118 Fax:
- Email: vlagroup.jsc@gmail.com Website: vla.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn: <https://vla.vn/pages?tags=shareholder>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....
- Văn bản giải trình



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Thịnh	Chủ tịch	(bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2026)
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thành Tiến	Thành viên	(miễn nhiệm chủ tịch HĐQT từ ngày 23/4/2026)
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Ông Dương Thế Quang	Thành viên độc lập	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hà	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên
Bà Hà Thúy Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thuận

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Số: 910/2026/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2026, từ trang 6 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 30/7/2025.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cũng được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán này và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 26/03/2026.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.618.348.354	46.827.502.011
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.979.566.104	10.567.264.009
Tiền	111		1.433.196.005	3.435.378.713
Các khoản tương đương tiền	112		1.546.370.099	7.131.885.296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	28.643.414.240	17.815.676.794
Chứng khoán kinh doanh	121		5.380.621.314	4.222.907.795
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(234.663.520)	(92.759.770)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		23.497.456.446	13.685.528.769
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.865.881.993	18.416.387.762
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	336.893.200	536.893.200
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.880.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	15.827.001.993	18.216.387.762
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	9	(336.893.200)	(336.893.200)
Hàng tồn kho	140	10	123.021.475	5.492.250
Hàng tồn kho	141		123.021.475	5.492.250
Tài sản ngắn hạn khác	160		6.464.542	22.681.196
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	11	6.464.542	22.681.196
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		702.734.322	736.790.972
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.900.000	14.900.000
Phải thu dài hạn khác	215	8	14.900.000	14.900.000
Tài sản cố định	220		668.056.320	692.799.150
Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(753.454.249)	(753.454.249)
Tài sản cố định vô hình	227	13	668.056.320	692.799.150
- Nguyên giá	228		989.713.110	989.713.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.656.790)	(296.913.960)
Tài sản dài hạn khác	270		19.778.002	29.091.822
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	11	19.778.002	29.091.822
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		48.321.082.676	47.564.292.983

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.905.008.628	2.619.857.413
Nợ ngắn hạn	310		2.905.008.628	2.619.857.413
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.088.693	84.837.888
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	173.100.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	241.413.886	202.101.879
Phải trả người lao động	315		149.594.024	161.391.198
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	60.000.000	60.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	19	133.933.248	146.344.806
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	1.967.131.322	1.793.434.187
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		171.747.455	171.747.455
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	45.416.074.048	44.944.435.570
Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.959.960.000	39.959.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.959.960.000	39.959.960.000
Thặng dư vốn	412		(202.680.000)	(202.680.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		181.960.340	181.960.340
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.476.833.708	5.005.195.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		5.005.195.230	4.130.682.522
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		471.638.478	874.512.708
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.321.082.676	47.564.292.983

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Chu Thị Thái
Người lập biểu

Đỗ Thị Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thuận
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.014.842.230	10.056.791.015
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.014.842.230	10.056.791.015
Giá vốn hàng bán	11	22	543.915.916	2.834.088.891
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		470.926.314	7.222.702.124
Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	2.499.292.678	1.359.514.069
Chi phí tài chính	23	24	789.998.972	(425.394.996)
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		85.790.688	3.325.069
Chi phí bán hàng	25	25	542.960.779	7.503.534.419
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1.052.890.706	1.201.244.340
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		584.368.535	302.832.430
Thu nhập khác	31		-	6.506.744
Chi phí khác	32		2.659.887	14.101.679
Lợi nhuận khác	40		(2.659.887)	(7.594.935)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		581.708.648	295.237.495
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	110.070.170	64.656.260
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		471.638.478	230.581.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	118,03	57,70
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	118,03	57,70

Phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2026



Chu Thị Thái
Người lập biểu



Đỗ Thị Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thuận
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		581.708.648	295.237.495
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24.742.830	24.742.830
Các khoản dự phòng	03		141.903.750	(683.676.639)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.536.499.180)	(1.049.516.445)
Chi phí đi vay	06		85.790.688	3.325.069
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(702.353.264)	(1.409.887.690)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.222.670.153	(2.578.388.935)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.529.225)	34.721.695
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		82.246.900	(739.193.215)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		25.530.474	(1.246.880)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.157.713.519)	6.233.486.639
Chi phí đi vay đã trả	14		(85.790.688)	(6.420.576)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(80.862.990)	(184.744.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.186.197.841	1.348.326.569
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.420.000.000)	(3.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		472.407.119	1.067.565.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.947.592.881)	1.067.565.043
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		15.520.763.440	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.347.066.305)	(3.620.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		173.697.135	(3.620.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.587.697.905)	(1.204.108.388)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	10.567.264.009	15.805.630.144
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.979.566.104	14.601.521.756

Cf

HLA



Chu Thị Thái
Người lập biểu

Đỗ Thị Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thuận
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 07/5/2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường HNX với mã giao dịch là VLA.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 39.959.960.000 VND (Ba mươi chín tỷ chín trăm năm mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết:

- Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ; đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian;
- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;
- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);
- Giáo dục dự bị;
- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;
- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;
- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;
- Dạy đọc nhanh;
- Đào tạo về sự sống;
- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;
- Dạy máy tính. (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 11 người (tại ngày 31/12/2025 là 13 người)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Theo đó, một số số liệu so sánh đã được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

3.2 ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01/01/2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh:

Là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, hối phiếu).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

Trong quá trình nắm giữ, Công ty không được tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán kinh doanh đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh, dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của từng chứng khoán tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ kế toán, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được tính theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành. Trong đó:

- Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.
- Chi phí chờ phân bổ khác bao gồm các chi phí bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có). Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Trường hợp quyết toán dự án chưa được duyệt, Công ty ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (giá tạm tính phải căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra để có được TSCĐ) để trích khấu hao TSCĐ. Sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản

Số năm khấu hao

- Máy móc, thiết bị

03 - 05

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá TSCĐ vô hình:

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho TSCĐ vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với TSCĐ vô hình cụ thể.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mục đích sử dụng tài sản. Riêng đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng có thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Thời gian khấu hao các loại tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Chương trình phần mềm	03 - 10

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia hợp đồng. Hợp đồng BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh.

Đối với trường hợp Công ty là bên không có quyền đồng kiểm soát BCC, Công ty được hưởng lợi ích cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC:

- Nếu bản chất là thuê tài sản (góp vào BCC bằng tài sản phi tiền tệ) thì coi như giao dịch cho thuê tài sản.
- Nếu bản chất là giao dịch cho vay (góp vào BCC bằng tiền) thì coi như giao dịch cho vay.

NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán trong tương lai, phát sinh từ các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được hoặc các nghĩa vụ tài chính khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở các ước tính hợp lý và đáng tin cậy về số tiền phải trả, căn cứ vào các thông tin và điều kiện hiện có tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết nợ phải trả theo kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả: Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả cổ tức lợi nhuận: Phản ánh các khoản cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp trả cho chủ sở hữu của doanh nghiệp (cổ đông, thành viên góp vốn).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thực nhận. Chi phí giao dịch và chi phí tài chính phát sinh liên quan đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị còn phải thanh toán, bao gồm gốc và lãi phải trả theo các điều khoản vay hoặc hợp đồng thuê. Lãi vay và chi phí tài chính liên quan được ghi nhận vào chi phí của kỳ phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Đối với các hợp đồng thuê đủ điều kiện phân loại là thuê tài chính, tài sản và nghĩa vụ nợ thuê được ghi nhận phù hợp với bản chất kinh tế của giao dịch.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện, khi đó chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản tương ứng cho đến khi tài sản sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc khai thác theo dự kiến.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay trong thời gian đầu tư xây dựng tài sản được ghi giảm nguyên giá của tài sản có liên quan.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại và giá tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình, cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn và chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CHI PHÍ

Giá vốn được ghi nhận khi các chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đã phát sinh và có thể xác định một cách đáng tin cậy, phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp, không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Trường hợp cần thiết, các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến doanh thu trong kỳ được ước tính và ghi nhận trên cơ sở các giả định hợp lý và nhất quán. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí ngoài giá vốn bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trên cơ sở phù hợp với doanh thu liên quan và không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Các khoản chi phí này được ghi nhận khi có đầy đủ bằng chứng về việc phát sinh nghĩa vụ và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí được phân loại và trình bày phù hợp với bản chất kinh tế của từng loại chi phí theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 17%.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Tiền mặt	8.556.577	1.998.220
- Tiền gửi không kỳ hạn	1.403.541.770	2.903.875.944
- Tiền đang chuyển	21.097.658	529.504.549
- Tương đương tiền	1.546.370.099	7.131.885.296
Cộng	2.979.566.104	10.567.264.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng (DIG)	-	-	-	441.715.242	388.600.000	(53.115.242)
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	-	-	-	368.391.761	383.900.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	-	-	-	582.772.846	607.200.000	-
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	-	-	-	1.433.146.500	1.407.600.000	(25.546.500)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG)	181.678	169.750	(11.928)	753.628.750	775.596.250	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDS)	4.946.416.372	4.809.300.000	(174.816.328)	-	-	-
- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP (KBC)	189.533.874	152.500.000	(37.033.874)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	238.857.750	216.300.000	(22.557.750)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FTS)	-	-	-	100.650.750	98.850.000	(1.800.750)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	-	-	-	93.139.500	90.750.000	(2.389.500)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND)	-	-	-	99.398.878	97.250.000	(2.148.878)
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW)	3.300.000	4.851.000	-	172.858.900	165.100.000	(7.758.900)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH)	2.331.640	2.088.000	(243.640)	177.204.668	178.448.000	-
Cộng	5.380.621.314	5.185.208.750	(234.663.520)	4.222.907.795	4.193.294.250	(92.759.770)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	23.497.456.446	23.497.456.446	-	13.685.528.769	13.685.528.769	-
- Ông Thiều Đình Mạnh và Bà Phạm Thị Hà - Hợp tác kinh doanh (1)	3.780.000.009	3.780.000.009	-	3.641.150.686	3.641.150.686	-
+ Tiền gốc	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
+ Tiền lãi	280.000.009	280.000.009	-	141.150.686	141.150.686	-
- Ông Trần Văn Thắng - Hợp tác kinh doanh (2)	9.037.231.783	9.037.231.783	-	3.554.257.534	3.554.257.534	-
+ Tiền gốc	8.820.000.000	8.820.000.000	-	3.400.000.000	3.400.000.000	-
+ Tiền lãi	217.231.783	217.231.783	-	154.257.534	154.257.534	-
- Ông Phạm Công Bình - Hợp tác kinh doanh (3)	890.799.998	890.799.998	-	857.079.452	857.079.452	-
+ Tiền gốc	850.000.000	850.000.000	-	850.000.000	850.000.000	-
+ Tiền lãi	40.799.998	40.799.998	-	7.079.452	7.079.452	-
- Ông Phạm Bá Thái - Hợp tác kinh doanh (4)	7.194.082.191	7.194.082.191	-	5.633.041.097	5.633.041.097	-
+ Tiền gốc	7.000.000.000	7.000.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-
+ Tiền lãi	194.082.191	194.082.191	-	133.041.097	133.041.097	-
- Ông Trần Quốc Thiều - Hợp tác kinh doanh (5)	2.595.342.465	2.595.342.465	-	-	-	-
+ Tiền gốc	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-
+ Tiền lãi	95.342.465	95.342.465	-	-	-	-
Cộng	23.497.456.446	23.497.456.446	-	13.685.528.769	13.685.528.769	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác số 01/2025/HĐHT – VLA ngày 18/3/2025 và các phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với Bà Phạm Thị Hà và Ông Thiệu Đình Mạnh (Bên B): Bên A góp 3,5 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 384 + 379 tờ bản đồ số 33 diện tích 353,3 m² tại địa chỉ: thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận. Trong đó Bên A sẽ được hưởng 40% lợi nhuận được chia, trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Thời hạn hợp tác đến ngày 19/03/2027 hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước). Đến thời điểm lập Báo cáo này, khoản hợp tác kinh doanh đã được thu hồi.

(2) Hợp tác kinh doanh theo các hợp đồng hợp tác:

- Theo hợp đồng hợp tác số 11/2026/HĐHT – VLA ngày 12/03/2026 và phụ lục hợp đồng số 1101/2026/PLHĐHT-VLA ngày 16/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Trần Văn Thắng (Bên B): Bên A góp 2,720 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 407 tờ bản đồ số 66 diện tích 391,8 m² tại địa chỉ: thôn Trung Hậu, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (“Thửa đất 407”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận. Trong đó Bên A sẽ được hưởng 87,74% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 407, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

- Theo hợp đồng hợp tác số 08/2026/HĐHT – VLA ngày 27/02/2026 và phụ lục hợp đồng số 081/2026/PLHĐHT-VLA ngày 05/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Trần Văn Thắng (Bên B): Bên A góp 3 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 344 tờ bản đồ số 101 diện tích 109,9 m² tại địa chỉ: xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội (“Thửa đất 344”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 75% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 3 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 344, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

- Theo hợp đồng hợp tác số 11/2026/HĐHT/VLA ngày 03/03/2026 và phụ lục hợp đồng số 111/2026/PLHĐHT-VLA ngày 06/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Trần Văn Thắng (Bên B): Bên A góp 3,1 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 406 tờ bản đồ số 66 diện tích 491,6 m² tại địa chỉ: thôn Trung Hậu, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (“Thửa đất 406”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 77,5% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 3,1 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 406, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

(3) Theo hợp đồng hợp tác số 24.11/2025/HĐHT – VLA ngày 24/11/2025 và các phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Phạm Công Bình (Bên B): Bên A góp 850 triệu đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 198 tờ bản đồ số 101 diện tích 52,2 m² tại địa chỉ: 377 Hải Phòng, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (“Thửa đất 198”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 9% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 850 triệu đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 198, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(4) Hợp tác kinh doanh theo các hợp đồng hợp tác:

- Theo hợp đồng hợp tác số 07/2026/HĐHT – VLA ngày 11/02/2026 và phụ lục hợp đồng số 0701/2026/PLHĐHT-VLA ngày 13/02/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Phạm Bá Thái (Bên B): Bên A góp 1,8 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 1010 tờ bản đồ số 43 diện tích 500 m² tại địa chỉ: Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (“Thửa đất 1010”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 90% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 1,8 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 1010, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

- Theo hợp đồng hợp tác số 10/2026/HĐHT – VLA ngày 10/03/2026 và phụ lục hợp đồng số 1001/2026/PLHĐHT-VLA ngày 13/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Phạm Bá Thái (Bên B): Bên A góp 3,5 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 1009 tờ bản đồ số 43 diện tích 500 m² tại địa chỉ: Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (“Thửa đất 1009”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 87,5% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 3,5 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 1009, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

- Theo hợp đồng hợp tác số 06/2026/HĐHT – VLA ngày 11/02/2026 và phụ lục hợp đồng số 0601/2026/PLHĐHT-VLA ngày 13/02/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Phạm Bá Thái (Bên B): Bên A góp 1,7 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 1008 tờ bản đồ số 43 diện tích 500 m² tại địa chỉ: Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (“Thửa đất 1008”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 85% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 1,7 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Tài sản đảm bảo khoản hợp tác cho Bên A là Thửa đất số 1008, thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước).

(5) Theo hợp đồng hợp tác số 03/2026/HĐHT – VLA ngày 08/01/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Bên A) với ông Trần Quốc Thiệu (Bên B): Bên A góp 2,5 tỷ đồng để cùng quản lý sử dụng và tìm kiếm khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng Thửa đất 3A tờ bản đồ số 34 diện tích 82,9 m² tại địa chỉ: Số 6 ngõ 14 đường Quang Trung, tổ dân phố 8, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (“Thửa đất 3A”) được cấp cho Bên B để hưởng lợi nhuận trong đó Bên A sẽ được hưởng 30% lợi nhuận được chia. Trong mọi trường hợp, lợi nhuận tối thiểu Bên A sẽ được hưởng là số tiền lãi của khoản vốn góp 2,5 tỷ đồng với lãi suất 8%/năm kể từ ngày góp vốn. Thời hạn hợp tác 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc cho đến khi thửa đất được chuyển nhượng cho bên thứ 3 (tùy điều kiện nào đến trước). Đến thời điểm lập Báo cáo này, khoản hợp tác kinh doanh đã được thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>336.893.200</i>	<i>(336.893.200)</i>	<i>536.893.200</i>	<i>(336.893.200)</i>
- Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	97.893.200	(97.893.200)	97.893.200	(97.893.200)
- Công ty Cổ phần Sách Alpha	68.000.000	(68.000.000)	68.000.000	(68.000.000)
- Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	(33.000.000)	33.000.000	(33.000.000)
- Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	(33.000.000)	33.000.000	(33.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch SHB	-	-	200.000.000	-
- Các khách hàng khác	55.000.000	(55.000.000)	55.000.000	(55.000.000)
Cộng	336.893.200	(336.893.200)	536.893.200	(336.893.200)

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>15.827.001.993</i>	-	<i>18.216.387.762</i>	-
- Tạm ứng	338.426.650	-	399.976.803	-
- Ông Trần Văn Thắng - Phải thu tiền thanh lý hợp đồng (*)	15.488.575.343	-	17.816.410.959	-
+ Tiền gốc	14.000.000.000	-	17.000.000.000	-
+ Tiền lãi	1.488.575.343	-	816.410.959	-
<i>Dài hạn</i>	<i>14.900.000</i>	-	<i>14.900.000</i>	-
- Ký cược, ký quỹ	14.900.000	-	14.900.000	-
Cộng	15.841.901.993	-	18.231.287.762	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(*) Khoản phải thu theo biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, phụ lục thanh lý hợp đồng số 02/2026/PLTLHĐ-VLA ngày 02/01/2026, lãi suất thanh toán là 9%/năm trên số tiền gốc thực tế còn phải thanh toán, thời gian thanh toán đến ngày 31/12/2026. Tài sản đảm bảo là 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trần Văn Thắng với tổng giá trị là 15.493.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 078/2026/55/HO/CT ngày 23/03/2026 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Bất động sản Kim Cương.

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	336.893.200	-	336.893.200	336.893.200	-	336.893.200
- Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	97.893.200	-	97.893.200	97.893.200	-	97.893.200
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	-	33.000.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	-	6.000.000	6.000.000	-	6.000.000
- Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	-	33.000.000
- Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12.000.000	-	12.000.000	12.000.000	-	12.000.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tuyên Quang	12.000.000	-	12.000.000	12.000.000	-	12.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
- Công ty Cổ phần Sách Alpha	68.000.000	-	68.000.000	68.000.000	-	68.000.000
- Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	336.893.200	-	336.893.200	336.893.200	-	336.893.200

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123.021.475	-	-	-
- Hàng hóa	-	-	5.492.250	-
Cộng	123.021.475	-	5.492.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

11. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỎ

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	6.464.542	22.681.196
Công cụ dụng cụ	-	10.427.653
Phần mềm	1.054.703	9.613.543
Chi phí trả trước khác	5.409.839	2.640.000
Dài hạn	19.778.002	29.091.822
Công cụ dụng cụ	19.778.002	28.699.822
Phần mềm	-	392.000
Cộng	26.242.544	51.773.018

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối kỳ	753.454.249	753.454.249
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối kỳ	753.454.249	753.454.249
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ là 753.454.249 VND (tại ngày đầu năm là 753.454.249 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	989.713.110	989.713.110
Số dư cuối kỳ	989.713.110	989.713.110
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	296.913.960	296.913.960
- Khấu hao trong kỳ	24.742.830	24.742.830
Số dư cuối kỳ	321.656.790	321.656.790
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	692.799.150	692.799.150
Tại ngày cuối kỳ	668.056.320	668.056.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	8.088.693	84.837.888
- Ông Đặng Trọng Khang	-	67.320.000
- Các nhà cung cấp khác	8.088.693	17.517.888
Cộng	8.088.693	84.837.888

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	173.100.000	-
- Trương Tiến Tài	50.000.000	-
- Vũ Hồng Thái	31.500.000	-
- Các đối tượng khác	91.600.000	-
Cộng	173.100.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Phải nộp	202.101.879	245.776.954	206.464.947	241.413.886
Thuế GTGT đầu ra	106.616.375	59.238.499	77.313.345	88.541.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.862.990	110.070.170	80.862.990	110.070.170
Thuế thu nhập cá nhân	14.622.514	58.129.185	29.949.512	42.802.187
Các loại thuế khác	-	17.999.100	17.999.100	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	340.000	340.000	-

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ (VND)	Trong kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	1.967.131.322	15.520.763.440	15.347.066.305	1.793.434.187
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	1.967.131.322	15.520.763.440	15.347.066.305	1.793.434.187
Cộng	1.967.131.322	15.520.763.440	15.347.066.305	1.793.434.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Ngắn hạn</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	60.000.000	60.000.000
Cộng	60.000.000	60.000.000

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Ngắn hạn</i>	<i>133.933.248</i>	<i>146.344.806</i>
- Kinh phí công đoàn	116.763.248	108.125.048
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.170.000	38.219.758
Cộng	133.933.248	146.344.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	39.959.960.000	(202.680.000)	181.960.340	4.130.682.522	44.069.922.862
- Lãi trong năm trước	-	-	-	874.512.708	874.512.708
Số dư đầu năm nay	39.959.960.000	(202.680.000)	181.960.340	5.005.195.230	44.944.435.570
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	471.638.478	471.638.478
Số dư cuối kỳ	39.959.960.000	(202.680.000)	181.960.340	5.476.833.708	45.416.074.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Ông Đặng Trọng Khang	9.982.600.000	9.982.600.000
- Ông Nguyễn Hữu Thuận	3.996.000.000	3.996.000.000
- Ông Nguyễn Thành Tiến	4.581.700.000	4.581.700.000
- Bà Nguyễn Thu Hà	3.753.470.000	3.753.470.000
- Công ty Cổ phần CI Holding	1.980.000.000	1.980.000.000
- Các cổ đông khác	15.666.190.000	15.666.190.000
Cộng	39.959.960.000	39.959.960.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	39.959.960.000	39.959.960.000
Vốn góp cuối năm	39.959.960.000	39.959.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.995.996	3.995.996
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.995.996	3.995.996
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.995.996	3.995.996
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.995.996	3.995.996
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.995.996	3.995.996
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	5.870.000	47.142.823
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.008.972.230	10.009.648.192
Cộng	1.014.842.230	10.056.791.015

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	5.492.250	28.285.712
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	538.423.666	2.805.803.179
Cộng	543.915.916	2.834.088.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi, cho vay	43.535.886	1.114.193.157
- Lãi hợp tác kinh doanh	1.492.963.294	232.290.412
- Lãi đầu tư chứng khoán	962.793.498	13.030.500
Cộng	2.499.292.678	1.359.514.069

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí lãi vay	85.790.688	3.325.069
- Lỗ đầu tư chứng khoán	529.259.574	241.406.623
- Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	141.903.750	(683.676.639)
- Chi phí tài chính khác	33.044.960	13.549.951
Cộng	789.998.972	(425.394.996)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.052.890.706	1.201.244.340
- Nhân viên quản lý	711.338.080	851.249.046
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.288.634	6.019.348
- Thuế, phí, lệ phí	8.858.820	11.070.626
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.278.023	289.926.543
- Chi phí quản lý khác	43.127.149	42.978.777
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	542.960.779	7.503.534.419
- Chi phí nhân viên	321.094.893	579.193.709
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.559.633	6.877.295.993
- Chi phí bán hàng khác	56.306.253	47.044.717

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.288.634	91.241.043
- Chi phí nhân công	1.074.523.809	1.538.546.955
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.742.830	24.742.830
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.449.131	9.754.956.990
- Chi phí khác bằng tiền	108.292.222	101.094.120
Cộng	2.257.296.626	11.510.581.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	581.708.648	295.237.495
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	65.762.942	28.043.804
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	<i>65.762.942</i>	<i>28.043.804</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	647.471.590	323.281.299
- Thuế suất	17%	20%
Chi phí thuế TNDN	110.070.170	64.656.260

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	471.638.478	230.581.235
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	471.638.478	230.581.235
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.995.996	3.995.996
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	118,03	57,70

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Kỳ này	Lĩnh vực thương mại VND	Lĩnh vực dịch vụ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.870.000	1.008.972.230	1.014.842.230
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.870.000	1.008.972.230	1.014.842.230
Chi phí phân bổ	5.492.250	538.423.666	543.915.916
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	377.750	470.548.564	470.926.314
Các chi phí không theo bộ phận			(1.595.851.485)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.124.925.171)
Doanh thu hoạt động tài chính			2.499.292.678
Chi phí tài chính			789.998.972
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			2.659.887
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			110.070.170
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			471.638.478
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			48.321.082.676
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.905.008.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

30. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Bà Đỗ Thị Hà	Kế toán trưởng
2	Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn
3	Ông Đoàn Minh Đức	Thư ký HĐQT kiêm Kiểm toán nội bộ
4	Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư Thực tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của ông Nguyễn Thành Tiến - Thành viên HĐQT

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	Chức vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Ông Trần Quang Thịnh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 23/4/2026)	48.083.810	1.800.000
- Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	134.906.765	157.124.170
- Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	89.960.985	87.581.679
- Ông Nguyễn Thành Tiến	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm chủ tịch HĐQT từ ngày 23/4/2026)	69.957.954	130.424.170
- Ông Dương Thế Quang	Thành viên HĐQT độc lập	1.800.000	1.800.000
- Ông Đoàn Minh Đức	Thư ký HĐQT kiêm Kiểm toán nội bộ	55.983.441	59.780.830
- Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	75.520.357	31.182.609
- Bà Đỗ Thị Hà	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2025)	65.844.588	-
- Bà Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 05/8/2025)	-	117.487.013
- Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban kiểm soát	2.400.000	2.400.000
- Bà Hà Thúy Hằng	Thành viên ban kiểm soát	1.800.000	79.587.645
- Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên ban kiểm soát	1.800.000	1.800.000
Cộng		548.057.900	670.968.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

30. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Ông Nguyễn Thành Tiến		
- Phải trả chi phí giảng viên	4.099.900	108.104.200
- Trả chi phí giảng viên	8.994.510	52.145.712
- Nộp hộ thuế TNCN	999.390	5.793.968
Ông Nguyễn Hữu Thuận		
- Tạm ứng	-	71.865.391
- Hoàn ứng	-	71.865.391
Bà Hà Thúy Hằng		
- Tạm ứng	-	10.000.638
- Hoàn ứng	-	22.521.000
Bà Nguyễn Thu Hà		
- Trả thừa tiền mua cổ phiếu	-	9.030.000
Ông Đặng Trọng Khang		
- Phải trả chi phí bản quyền bài giảng	134.640.000	168.844.000
- Trả chi phí bản quyền bài giảng	191.862.000	525.714.800
- Nộp hộ thuế TNCN	10.098.000	27.669.200
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư Thực tế NIK		
- Phải trả tiền mua sách (bao gồm VAT)	-	29.699.998
- Phải trả chi phí quản lý vận hành (bao gồm VAT)	-	633.727.200
- Trả tiền hàng hóa và dịch vụ	-	824.810.278

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025. Theo đó, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

Bảng so sánh số liệu so sánh đã trình bày trong kỳ trước, số đầu năm, trước và sau khi trình bày lại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

	Mã số	Số đầu năm (VND) (đã phân loại lại)	Số đầu năm (VND) (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch (VND)
Các khoản tương đương tiền	112	7.131.885.296	7.122.055.160	9.830.136
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	13.685.528.769	-	13.685.528.769
Phải thu ngắn hạn khác	135	18.216.387.762	31.911.746.667	(13.695.358.905)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	Mã số	Kỳ trước (VND) (đã phân loại lại)	Kỳ trước (VND) (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch (VND)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.049.516.445)	(1.114.193.157)	64.676.712
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.067.565.043	1.132.241.755	(64.676.712)



Chu Thị Thái
Người lập biểu



Đỗ Thị Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thuận
Giám đốc

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026